

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG –
NHƠN TRẠCH**

Số: 01/TUNGKUANG -NT
V/v Công khai thông tin môi trường dự
án Chi nhánh Công ty Cổ Phần Công
Nghiệp Tung Kuang – Nhơn Trạch

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 31 tháng 07 năm 2023



**Kính gửi: Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp
IDICO**

Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Tung Kuang – Nhơn Trạch đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép môi trường số 95/GPMT-KCNĐN ngày 21/07/2023 cho dự án “Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế, gia công, sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm, công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất có công đoạn anode nhôm, không xi mạ)” tại Đường 25B, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Khoản 1, Điều 102, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Tung Kuang – Nhơn Trạch kính gửi Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO bản Giấy phép môi trường số 95/GPMT-KCNĐN ngày 21/07/2023 để công khai thông tin môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO.

Hồ sơ gửi kèm Công văn này, bao gồm: 01 bản sao Giấy phép môi trường số 95/GPMT-KCNĐN ngày 21/07/2023.

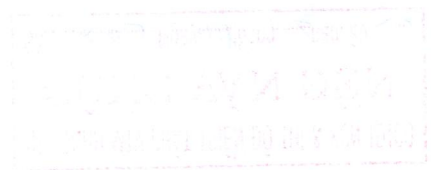
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Tung Kuang – Nhơn Trạch kính đề nghị Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO xem xét hồ sơ, công khai thông tin môi trường của dự án theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: vt.

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG –
NHƠN TRẠCH
TỔNG GIÁM ĐỐC**





GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các cơ sở đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-KCNĐN ngày 30/9/2022 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế, gia công, sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm, công suất 12.000 tấn-sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất có công đoạn anode nhôm, không xi mạ)" của Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang – Nhơn Trạch tại Đường 25B, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 3461/KCNĐN-MT ngày 18/10/2022 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Xét đề nghị của Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang – Nhơn Trạch tại Văn bản số 02/TUNGKUANG-NT đề ngày 25/5/2023 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang – Nhơn Trạch (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế, gia công, sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm, công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất có công đoạn anode nhôm, không xi mạ)” tại Đường 25B, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế, gia công, sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm, công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất có công đoạn anode nhôm, không xi mạ)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường 25B, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3600254361-004 đăng ký lần đầu ngày 22/9/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21/6/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 4361038577 chứng nhận lần đầu ngày 22/9/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 05/8/2019 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600254361-004.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế, gia công, sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của cơ sở 59.699,24 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế, gia công, sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm, công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất có công đoạn anode nhôm, không xi mạ).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 21 tháng 7 năm 2023 đến ngày 21 tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 310/QĐ-KCNĐN ngày 28/8/2019 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai đối với dự án “Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế, sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm, công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất có công đoạn anode nhôm, không xi mạ)” tại Đường 25B, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

CHỮNG THỰC SẠO ĐỒNG VỚI DÂN CHỨNG
Số chứng thực 0.0.3.0.6.5. Quyền số 01SCT/BS

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Công ty TNHH MTV PTĐT&KCN IDICO;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang – Nhơn Trạch (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (TH).



Nguyễn Thị Sang

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Dương Thị Xuân Nương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 95/GPMT-KCNĐN ngày 21/7/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Các nguồn nước thải phát sinh của cơ sở bao gồm:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, lao động của cơ sở với lưu lượng khoảng 24 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn ngâm khuôn định hình thỏi nhôm với lưu lượng khoảng 13 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 3: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát thỏi nhôm sau khi đúc với lưu lượng khoảng 40 m³/lần xả (12 tháng xả 01 lần).
- Nguồn số 4: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt trước khi sơn tĩnh điện với lưu lượng khoảng 165,32 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 5: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn anode nhôm với lưu lượng khoảng 163 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 6: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát tháp giải nhiệt DH với lưu lượng khoảng 2 m³/lần xả (6 tháng vệ sinh một lần).
- Nguồn số 7: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát tháp giải nhiệt anode nhôm với lưu lượng khoảng 1 m³/lần xả (6 tháng vệ sinh một lần).
- Nguồn số 8: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò nấu chảy nhôm với lưu lượng khoảng 1,5 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 9: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý hơi hóa chất tại xưởng anode nhôm với lưu lượng khoảng 1 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với KCN:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu vệ sinh được đưa về các bể tự hoại; nước thải phát sinh từ quá trình rửa tay, chân; nước thải nhà ăn và toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I; sau đó được đưa về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Công ty đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 1203/CT-ĐT ngày 19/12/2006 và Phụ lục hợp đồng số 34/CT-ĐT ngày 22/03/2011 với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO (đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Trạch I).

2.2. Vị trí đầu nối nước thải:

- Vị trí: 01 hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I (hố ga trên đường số 4B, KCN Nhơn Trạch I).
- Tọa độ vị trí: X: 1.187.073; Y: 408.432 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰45', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng đầu nổi nước thải lớn nhất: 1.000 m³/ngày đêm.

- Phương thức đầu nổi thải: Tự chảy (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch I theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN Nhơn Trạch I (Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO) tại Hợp đồng xử lý nước thải số 1203/CT-ĐT ngày 19/12/2006 và Phụ lục hợp đồng số 34/CT-ĐT ngày 22/03/2011.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các bồn cầu vệ sinh của cơ sở được đưa về 06 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 150 m³, cùng nước thải phát sinh từ quá trình rửa tay, chân; nước thải nhà ăn dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 60mm – 200mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn ngâm khuôn định hình thỏi nhôm được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 60mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát thỏi nhôm sau khi đúc được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa mềm đường kính 90mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt trước khi sơn tĩnh điện được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 114mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn anode nhôm được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 90mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát tháp giải nhiệt DH được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 60mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát tháp giải nhiệt anode nhôm được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 60mm – 90mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò nấu chảy nhôm được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 90mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý hơi hóa chất tại xưởng anode nhôm được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 60mm về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 60mm – 200mm về hệ thống thu gom nước thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Tổng chiều dài hệ thống thu gom, thoát nước thải là 1.510 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Toàn bộ nước thải phát sinh → Bể thu gom 1 → Bể thu gom 2 → Bể thu gom 3 → Bể thu gom 4 → Bể điều hòa → Bể cân bằng pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể chứa nước sau xử lý → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I.*

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): H₂SO₄, Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tại bể thu gom có thể tích 594 m³ trong thời gian khắc phục sự cố. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, thông báo tạm ngưng tiếp nhận nước thải phát sinh tại cơ sở để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, dự kiến bắt đầu từ tháng 8/2023.

2.2. Công trình, xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 1.000 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nito, Tổng Photpho, tổng dầu mỡ khoáng, Mn, Cu, Cr³⁺, Cr⁶⁺, F⁻.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch I theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN Nhơn Trạch I (Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO) tại Hợp đồng xử lý nước thải số 1203/CT-ĐT ngày 19/12/2006 và Phụ lục hợp đồng số 34/CT-ĐT ngày 22/03/2011.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch I và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (Công ty Cổ phần KCN Nhơn Trạch I), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-KCNDN ngày 21/7/2023
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại công đoạn nấu chảy nhôm.
- Nguồn số 02: Hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn anode nhôm.
- Nguồn số 03: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 1 (không qua ống thoát khí thải).
- Nguồn số 04: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 2 (không qua ống thoát khí thải).
- Nguồn số 05: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 3 (không qua ống thoát khí thải).
- Nguồn số 06: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 4 (không qua ống thoát khí thải).
- Nguồn số 07: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 5 (không qua ống thoát khí thải).
- Nguồn số 08: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 1 (không qua hệ thống xử lý khí thải).
- Nguồn số 09: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 2 (không qua hệ thống xử lý khí thải).
- Nguồn số 10: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 3 (không qua hệ thống xử lý khí thải).
- Nguồn số 11: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 4 (không qua hệ thống xử lý khí thải).
- Nguồn số 12: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 5 (không qua hệ thống xử lý khí thải).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải phát sinh tại công đoạn nấu chảy nhôm (nguồn số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1.187031; Y: 408.134.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất tại xưởng anode nhôm (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 1.187.038,3; Y: 408.153.

Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3^0)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng khí thải lớn nhất của cơ sở dự kiến là 89.000 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 65.000 m³/giờ
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 24.000 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của cơ sở) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I Dòng khí thải số 01					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
2	Bụi	mg/Nm ³	144		
3	CO	mg/Nm ³	720		
4	SO ₂	mg/Nm ³	360		
5	NO _x	mg/Nm ³	612		
II Dòng khí thải số 02					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
2	Bụi	mg/Nm ³	144		
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	36		
4	HF	mg/Nm ³	14,4		

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và $K_p = 0,9$).

(2) Chủ cơ sở vẫn phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại công đoạn nấu chảy nhôm được thu gom bằng đường ống kích thước Ø400mm, Ø1.000mm bằng thép tráng kẽm về hệ thống xử lý khí thải để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước Ø1.400mm, cao dự kiến khoảng 15m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 02: Hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn anode nhôm được thu gom bằng đường ống kích thước 400mm x 400mm bằng inox 304 về hệ thống xử lý khí thải để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước Ø1.000mm, cao dự kiến khoảng 8m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 03: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 1 được thu gom bằng hệ thống đường ống kích thước Ø500mm bằng thép tráng kẽm về hệ thống xử lý khí thải (đi kèm với máy móc) để xử lý, sau đó thoát ra ngoài môi trường (không qua ống thoát khí thải).

- Nguồn số 04: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 2 được thu gom bằng hệ thống đường ống kích thước Ø500mm bằng thép tráng kẽm về hệ thống xử lý khí thải (đi kèm với máy móc) để xử lý, sau đó thoát ra ngoài môi trường (không qua ống thoát khí thải).

- Nguồn số 05: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 3 được thu gom bằng hệ thống đường ống kích thước Ø400mm bằng thép tráng kẽm về hệ thống xử lý khí thải (đi kèm với máy móc) để xử lý, sau đó thoát ra ngoài môi trường (không qua ống thoát khí thải).

- Nguồn số 06: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 4 được thu gom bằng hệ thống đường ống kích thước Ø400mm bằng thép tráng kẽm về hệ thống xử lý khí thải (đi kèm với máy móc) để xử lý, sau đó thoát ra ngoài môi trường (không qua ống thoát khí thải).

- Nguồn số 07: Bụi sơn phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 5 được thu gom bằng hệ thống đường ống kích thước Ø400mm bằng thép tráng kẽm về hệ thống xử lý khí thải (đi kèm với máy móc) để xử lý, sau đó thoát ra ngoài môi trường (không qua ống thoát khí thải).

- Nguồn số 08: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 1 được thu gom, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước Ø500mm bằng thép tráng kẽm, cao dự kiến khoảng 8m tính từ mặt đất (không qua hệ thống xử lý khí thải).

- Nguồn số 09: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 2 được thu gom, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước Ø500mm bằng thép tráng kẽm, cao dự kiến khoảng 8m tính từ mặt đất (không qua hệ thống xử lý khí thải).

- Nguồn số 10: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 3 được thu gom, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước Ø500mm bằng thép tráng kẽm, cao dự kiến khoảng 8m tính từ mặt đất (không qua hệ thống xử lý khí thải).

- Nguồn số 11: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 4 được thu gom, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước Ø400mm bằng thép tráng kẽm, cao dự kiến khoảng 4m tính từ mặt đất (không qua hệ thống xử lý khí thải).

- Nguồn số 12: Hơi nhiệt thừa phát sinh từ lò sấy của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 5 được thu gom, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước Ø400mm bằng thép tráng kẽm, cao dự kiến khoảng 4m tính từ mặt đất (không qua hệ thống xử lý khí thải).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại công đoạn nấu chảy nhôm (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Bụi, khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom → Xử lý cấp 1 (Buồng rửa bụi) → Xử lý cấp 2 (Buồng hấp thụ) → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Đạt Quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 65.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn anode nhôm (nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Hơi hóa chất → Chụp hút → Đường ống thu gom → Thiết bị rửa khí với dung dịch kiềm NaOH → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Đạt Quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 24.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Thiết bị rửa khí với dung dịch kiềm NaOH.

1.2.3. 05 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện của dây chuyền phun sơn tĩnh điện số 1, 2, 3, 4, 5 (nguồn số 03, 04, 05, 06, 07)

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Bụi sơn → Bộ thu hồi bụi sơn (Cyclone) → Bộ lọc thu hồi bụi sơn tự động → Môi trường lao động.

- Công suất thiết kế: 03 hệ thống công suất thiết kế 15.000 m³/giờ/hệ thống; 02 hệ thống công suất thiết kế 30.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lưới lọc bằng polyester.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, dự kiến bắt đầu từ tháng 8/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại công đoạn nấu chảy nhôm, công suất thiết kế 65.000 m³/giờ.

- 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn anode nhôm, công suất thiết kế 24.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 ống thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại công đoạn nấu chảy nhôm, công suất thiết kế 65.000 m³/giờ.

- 01 ống thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn anode nhôm, công suất thiết kế 24.000 m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-KCNĐN ngày 21/7/2023
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: từ khu vực nấu nhôm.
- Nguồn số 2: từ khu vực đùn ép nhôm.
- Nguồn số 3: từ khu vực cắt thỏi nhôm.
- Nguồn số 4: từ khu vực gia công thanh nhôm.
- Nguồn số 5: từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 6: từ khu vực hệ thống xử lý khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 1: từ khu vực nấu nhôm. Tọa độ (X: 1.187.021; Y: 408.120)
- Nguồn số 2: từ khu vực đùn ép nhôm. Tọa độ (X:1.187.083; Y: 408.258)
- Nguồn số 3: từ khu vực cắt thỏi nhôm. Tọa độ (X:1.187.023; Y: 408.083)
- Nguồn số 4: từ khu vực gia công thanh nhôm. Tọa độ (X:1.187.955; Y: 408.217)
- Nguồn số 5: từ khu vực hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ (X:1.187.032; Y: 408.284)
- Nguồn số 6: từ khu vực hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ (X:1.187.121; Y: 408.156)

(Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-KCNĐN ngày 21/7/2023
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 27.885 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	21
2	Bao tay, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 02 01	KS	18.000
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (lõi lọc túi vải của hệ thống thu hồi bụi sơn)	Rắn		KS	180
4	Ắc quy thải	Rắn	19 06 01	NH	12
5	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	NH	12
6	Bã nhôm dính dầu	Lỏng	07 03 11	KS	600
7	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	1.800
8	Bao bì, thùng chứa bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	KS	360
9	Bùn thải và bã lọc có chứa TPNH (Soda thải từ quá trình làm sạch khuôn tại công đoạn định hình)	Rắn	07 01 05	NH	4.800
10	Chất thải có các thành phần nguy hại (cặn thải từ quá trình vệ sinh các bồn chứa hóa chất tẩy rửa)	Rắn	19 07 02	KS	2.100
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					27.885

Thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 453.516 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo)	Rắn	08 02 08	TT	36
2	Pallet gỗ	Rắn	11 02 02	TT-R	2.400
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	3.600
4	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	18 01 06	TT-R	3.000
5	Xi lò cao (Tro xỉ nhôm tại lò nấu chảy nhôm)	Rắn	05 09 07	TT-R	360.000
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	12 02 08	TT	81.000
7	Bùn từ bể tự hoại	Lỏng	07 01 11	TT	3.120
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					453.516

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 90.600 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhóm thực phẩm	22.650
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	67.950
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		90.600

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 30 m^2 (trên tổng diện tích khu vực lưu chứa chất thải của cơ sở 110 m^2).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 64 m^2 (trên tổng diện tích khu vực lưu chứa chất thải của cơ sở 110 m^2).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít và 120 lít tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.

2.3.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 16 m^2 (trên tổng diện tích khu vực lưu chứa chất thải của cơ sở 110 m^2).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ

ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Cơ sở theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 95 /GPMT-KCNĐN ngày 21/7/2023
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với cơ sở.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải

chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI